

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2021

V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khóm 3, Phường M, thị xã N, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 22-1, đường O, Khóm 014, phường P, khu Q, thành phố R, Đài Loan. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2020, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B quen biết nhau do người thân mai mối. Anh B sang Việt Nam chơi, chị và anh B tìm hiểu nhau được 01 tháng thì tiến đến hôn nhân. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2018. Sau khi đăng ký kết hôn có tổ chức lễ cưới tại nhà của cha mẹ ruột chị A tại Khóm 3, Phường M, thị xã N, tỉnh Bạc Liêu và tại nhà của anh Ko Hug Jui tại Đài Loan. Sau khi kết hôn chung sống với nhau khoảng 01 tuần tại nhà cha mẹ ruột của chị A. Anh B có làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Đài Loan để chung sống. Đến ngày 10/11/2018, chị A sang Đài Loan chung sống với anh B tại địa chỉ: Số 22-1, đường O, Khóm 014, phường P, khu Q, thành phố R, Đài Loan. Đầu tháng 8 năm 2019, chị A về Việt Nam sống cho đến nay. Trước khi về Việt Nam, chị A có nói cho anh B biết chị về Việt Nam chơi rồi sẽ quay lại

Đài Loan. Khi về Việt Nam, chị và anh B liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị nói với anh B không sang Đài Loan chung sống với anh nữa. Chị và anh B không còn liên lạc với nhau từ tháng 01/2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau và mỗi người sống một nơi nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chị A có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của anh B về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị A, ngoài ra, anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị A và anh B kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện, do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn, chị A và anh B chung sống với nhau khoảng 01 tuần tại Việt Nam và đến ngày 10/11/2018, chị A sang Đài Loan chung sống với anh B đến đầu tháng 8 năm 2019, chị A về Việt Nam sống cho đến nay. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh B, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, chị A yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B là công dân Đài Loan, đang cư trú tại địa chỉ: Số 22-1, đường O, Khóm 014, phường P, khu Q, thành phố R, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của anh B và anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A, ngày 25/11/2020 chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban dân dân thị xã N, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2018 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B có chung sống với nhau tại Việt Nam và một khoảng thời gian chung sống tại Đài Loan, sau đó chị A về Việt Nam và đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 01/2020 đến nay. Nay, chị A xác định không còn tình cảm với anh B, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không thể kéo dài. Chị A xác định hôn nhân của chị và anh B không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn. Đối với anh B được tổng đạt văn bản tố tụng theo phương thức ủy thác tư pháp, Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của anh B đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, theo đó thì giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[7] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A và xử cho chị A được ly hôn anh B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí và lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Chị A và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014952 ngày 16/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), chị A đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0014879 ngày 25/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được

tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- UBND thị xã N, tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt